

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 17

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Tổng của số 44 và số liền trước của nó là:

- A. 80 B. 85 C. 87 D. 89

Phương pháp

- Số liền trước của một số thì bé hơn số đó 1 đơn vị.
- Cộng các chữ số cùng hàng thẳng cột lần lượt từ phải sang trái.

Lời giải

Số liền trước của 44 là 43.

Tổng của số 44 và số liền trước của nó là $44 + 43 = 87$

Đáp án: C

Câu 2. Thứ bảy tuần này là ngày 20 tháng 11. Thứ sáu tuần sau là ngày mấy:

- A. 19 B. 27 C. 28 D. 26

Phương pháp

Áp dụng kiến thức: 1 tuần có 7 ngày

Lời giải

Thứ bảy tuần này là ngày 20 tháng 11. Thứ sáu tuần sau là ngày 26.

Đáp án: D

Câu 3. Số lớn nhất trong các số 35; 72; 56; 18 là:

- A. 35 B. 72 C. 56 D. 18

Phương pháp

So sánh các số đã cho để xác định số lớn nhất: So sánh các chữ số cùng hàng lần lượt từ trái sang phải

Lời giải

Số lớn nhất trong các số 35; 72; 56; 18 là: 72

Đáp án: B

Câu 4. Trong phép trừ $56 - 23 = 33$, số 56 gọi là:

- A. Số hạng B. Hiệu C. Số bị trừ D. Số trừ

Phương pháp

Dựa vào kiến thức về số bị trừ, số trừ, hiệu để chọn đáp án thích hợp.

Lời giải

Trong phép trừ $56 - 23 = 33$, số 56 gọi là: số bị trừ.

Đáp án: C

Câu 5. Tìm số liền sau của số bé nhất có hai chữ số mà tổng của hai chữ số là 9

- A. 11 B. 18 C. 19 D. 27

Phương pháp

- Xác định số bé nhất có hai chữ số mà tổng của hai chữ số là 9
- Số liền sau của một số thì lớn hơn số đó 1 đơn vị

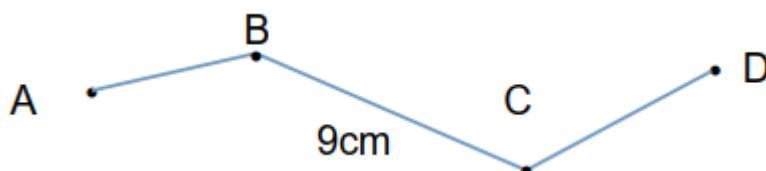
Lời giải

Số bé nhất có hai chữ số mà tổng của hai chữ số là 9 là 18.

Số liền sau của 18 là 19.

Đáp án: C

Câu 6. Đường gấp khúc ABCD có độ dài là 20cm. Đoạn BC là 9 cm, đoạn CD ngắn hơn đoạn BC là 2cm. Đoạn AB dài:



- A. 4 cm B. 9 cm C. 7 cm D. 3 cm

Phương pháp

Độ dài đoạn CD = Độ dài đoạn BC – 2 cm

Độ dài đoạn AB = Độ dài đường gấp khúc ABCD – (độ dài đoạn BC + độ dài đoạn CD)

Lời giải

Độ dài đoạn thẳng CD là: $9 - 2 = 7$ (cm)

Độ dài đoạn AB là: $20 - (9 + 7) = 4$ (cm)

Đáp án: A

Câu 7. $6\text{dm } 2\text{cm} = \dots\dots$ cm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 62 B. 26 C. 60 D. 20

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1\text{ dm} = 10\text{ cm}$

Lời giải

$6\text{dm } 2\text{cm} = 62\text{ cm}$

Đáp án: A

Câu 8. Kiên có nhiều hơn Vinh 6 viên bi, Nam có nhiều hơn Kiên 9 viên bi. Hỏi Nam có nhiều hơn Vinh bao nhiêu viên bi?

- A. 8 B. 9 C. 16 D. 15

Phương pháp

Số viên bi Nam nhiều hơn Vinh = Số viên bi Nam nhiều hơn Kiên + Số viên bi Kiên nhiều hơn Vinh

Lời giải

Nam có nhiều hơn Vinh số viên bi là: $9 + 6 = 15$ (viên bi)

Đáp án: D

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

a) $52 + 29$

b) $67 - 49$

c) $34 + 19$

d) $88 - 59$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phương pháp

- Đặt tính

- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái

Lời giải

$$\begin{array}{r} 52 \\ + 29 \\ \hline 81 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67 \\ - 49 \\ \hline 18 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 34 \\ + 19 \\ \hline 53 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 88 \\ - 59 \\ \hline 29 \end{array}$$

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $13 + 48 - 24 = \dots\dots\dots$

b) $69 - 27 + 18 = \dots\dots\dots$

c) $81 - \dots\dots\dots = 43$

d) $36 + \dots\dots\dots = 82 - 37$

Phương pháp

a, b) Thực hiện tính lần lượt từ trái sang phải

c) Muốn tìm số trừ, ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu

d) Tính kết quả về phải.

Số cần tìm = Kết quả vừa tìm được - 36

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 13 + 48 - 24 &= 61 - 24 \\ &= 37 \end{aligned}$$

$$b) 69 - 27 + 18 = 42 + 18$$

$$= 60$$

$$c) 81 - \dots\dots\dots = 43$$

$$81 - 43 = 38$$

$$d) 36 + \dots\dots\dots = 82 - 37$$

$$36 + \dots\dots\dots = 45$$

$$45 - 36 = 9$$

Câu 3. Tủ thứ nhất có số quyển sách là số liền trước của số lớn nhất có hai chữ số. Tủ thứ hai có ít hơn tủ thứ nhất 36 quyển sách. Hỏi tủ thứ hai có bao nhiêu quyển sách?

Phương pháp

- Tìm số sách ở tủ thứ nhất
- Số sách ở tủ thứ hai = số sách ở tủ thứ nhất – 36 quyển

Lời giải

Tủ thứ nhất có số quyển sách là số liền trước của số lớn nhất có hai chữ số vậy tủ thứ nhất có 98 quyển sách.

Tủ thứ hai có số quyển sách là:

$$98 - 36 = 62 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 62 quyển sách

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ trống

a) Số chẵn lớn nhất có một chữ số là:

b) Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là:

c) Tổng của hai số trên là:

Phương pháp

- Số chẵn là các số có chữ số tận cùng là 0 ; 2 ; 4 ; 6 ; 8
- Số tròn chục có chữ số hàng đơn vị là 0

Lời giải

a) Số chẵn lớn nhất có một chữ số là: 8

b) Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là: 90

c) Tổng của hai số trên là: $8 + 90 = 98$

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com